

I/72069/2023

Office of the
Chief Administrative Officer/PTS
State Entry Road, New Delhi-110055

No: CAO/PTS/126/PHHT/Impl./2019

Dated: 20/01/2023

General Manager/PMS,
Centre for Railway Information Systems,
Chankyapuri, New Delhi-110021

Sub: Development of ONE PAGE SUMMARY Chart through HHT application.
Ref: CAO/PTS Inspection Note letters no: CAO/PTS/52/Inspection/2012/Part-I dated
21/10/2022 & 13/12/2022

Please refer to undersigned Inspection Notes issued vide letters referred above, wherein CRIS was advised to prepare a "ONE PAGE SUMMARY CHART" through HHT application. As mentioned in the inspection notes that apart from the routine work, for the trains not being manned end to end, ticket checking staff prepare one page summary for their earmarked coaches, indicating coach-wise vacant berths in their jurisdiction and the next station from where berth has been booked. This summary chart is handed over to " next taking over ticket checking staff" along with charts. A sample of summary chart is enclosed herewith for reference.

CRIS is requested to provide aforesaid utility at the earliest under advice to this office.

Digitally Signed by Sudhir
Kumar Tyagi
Date: 20-01-2023 17:38:59
Reason: Approved
(Sudhir Kumar Tyagi)
Chief Administrative Officer/PTS

Copy for kind information to:

1. ED/PM, Railway Board, New Delhi.
2. ED/C&IS, Railway Board, New Delhi.

Proposed Chart of A/c Coaches TR No 12307 Dt. 10/10/22 From V.C.G To BPA

To B1

1	BPL	9	VGLB	17	NZM	25	NGP	33	VGLB	41	NZM	49	VGLB	57	VGLB	65	NZM
2	NZM	10	NZM	18		26	NZM	34	NZM	42	NZM	50		58	NZM	66	
3	BPL	11	NZM	19		27	NZM	35	NZM	43	VGLB	51		59	BPL	67	
4	NZM	12	BPL	20		28	BPL	36	VGLB	44	NZM	52		60	VGLB	68	
5	NZM	13	NZM	21	BPL	29	BPL	37	//	45	VGLB	53		61	BPA BPA	69	
6		14	NZM	22	NZM	30	NZM	38	VGLB	46	NZM	54		62	BPA BPL	70	
7	COR	15	BPL	23	BPL	31	VGLB	39	NZM	47		55		63	NZM	71	
8	NZM	16	NZM	24	BPL	32	NZM	40	NGP	48		56	NGP	64	NZM	72	

B2

9	VGLB	BPL	17		25	NZM	33	VGLB	41	NZM	49	NZM	57	NZM	65	NGP BPL
10	NGP	VGLB	18	BPL	26	BPL	34	NZM	42	BPL	50	NZM	58		66	NGP
11	VGLB	NZM	19	NZM	27	BPL	35	NZM	43	BPL	51		59		67	NGP
12	VGLB	BPL	20		28	NZM	36	VGLB	44	NGP	52	NGP	60		68	NGP
13	NGP	VGLB	21		29	NZM	37	NZM	45	BPL BPL	53	NGP	61		69	BPL
14	NZM	BPL	22		30	VGLB	38	NZM	46	//	54	NGP	62		70	NZM
15	BPL	VGLB	23	VGLB	31	NZM	39	VGLB	47	NZM	55	NZM	63		71	NZM
16	NZM	NZM	24	BPL	32	NZM	40	NZM	48	BPL	56		64		72	BPL

B3

1	BPL	9	NZM	17	VGLB	25	NZM	33	NZM	41	VGLB	49	BPL BPL	57	VGLB	65	NZM
2		10	VGLB	18	VGLB	26		34	NZM	42	BPL BPL	50	BPL	58	NGP	66	
3		11	NZM	19	NZM	27		35	VGLB	43	NGP	51	BPL	59	NGP	67	
4		12		20	BPL	28		36	NZM	44	VGLB	52	BPL	60	VGLB	68	
5	VGLB	13		21	NZM	29		37		45	BPL BPL	53	NGP NGP	61	NGP	69	NGP BPL
6	NZM	14		22	NZM	30		38		46	BPL BPL	54	BPL BPL	62	NGP	70	VGLB
7	VGLB	15		23	BPL	31		39		47	NZM	55	NZM	63	NZM	71	NZM
8	BPL	16	VGLB	24	VGLB	32		40		48	NGP, BPL	56	BPL BPL	64	NGP	72	NZM

B4

1	NZM	9	BPL	17	BPL	25	NZM	33	NZM	41	NGP	49	NZM	57		65	NZM
2		10	NGP NGP VGLB	18	BPL	26		34		42	NGP	50		58	NZM	66	
3		11	NZM	19	BPL	27		35		43	NZM	51	BPL BPL	59	BPL VGLB	67	
4		12	BPL	20	BPL	28		36		44	VGLB	52	NZM	60	NZM	68	
5		13	NZM	21	NZM	29		37		45	NGP NGP	53	NZM	61	BPL BPL	69	
6		14	NZM	22	BPL	30		38		46	NGP NGP	54	NZM	62	BPL BPL	70	
7	TTE	15	NGP	23	NZM	31		39	BPL	47	BPL	55	BPL	63	NGP	71	
8	VGLB	16	NZM	24	NZM	32	VGLB VGLB	40	NZM	48	NZM	56	NZM	64	//	72	

B5

	9	17	25	33	41	49	57	65
	10	18	26	34	42	50	58	66
	11	19	27	35	43	51	59	67
	12	20	28	36	44	52	60	68
	13	21	29	37	45	53	61	69
	14	22	30	38	46	54	62	70
	15	23	31	39	47	55	63	71
	16	24	32	40	48	56	64	72

Route Quotas, Joinings, Position & Calls Please Check the Original Chart. CVC Enclosed.
 Attention At: RAC: VIP's

Signature

 Sc

DATE 11/11/22

Ex 1468 / Train No. 19
 Departure Time / Arrival Time
 From / To

Sl. No.	From	To	PNR/Trk No.	Reserv. Eff. No.	Sl. No.	From	To	PNR/Trk No.	Reserv. Eff. No.
1	VCLB	VCLB			41	VCLB	VCLB		
2					42				
3					43				
4					44				
5					45				
6					46				
7					47				
8	VCLB	VCLB			48				
9					49				
10					50				
11					51				
12					52				
13					53				
14					54				
15					55				
16					56				
17					57				
18					58				
19					59				
20					60				
21					61				
22					62				
23					63				
24					64				
25					65				
26					66				
27					67				
28					68				
29					69				
30					70				
31					71				
32					72				
33					73				
34					74				
35					75				
36					76				
37					77				
38					78				
39					79				
40					80				

EN ROUTE RESERVATION

Barth No.

PRG POSITION

म. / No

चल टिकट परीक्षक के हस्ताक्षर / Signature of TTE
 नाम / Name
 पदनाम / Design

मंडल / Divin